

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/DS-ST

Ngày: 27/8/2025

V/v tranh chấp: “HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Núi

2. Bà Lê Thị Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp, không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phạm Ngọc T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đ.

- Bị đơn: 1. Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1979.

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đ.

(Bà T và bà H có mặt; ông H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Ngọc T trình bày:***

Trước năm 2023, tôi có cho bà H và ông H vay tiền nhiều lần. Đến ngày 13/02/2023, hai bên cộng lại nợ. Bà H và ông H còn nợ tôi 360.000.000 đồng. Tôi có viết “*Giấy mượn tiền*” ngày 13/02/2023, bà H và ông H ký tên thừa nhận có nợ tôi 360.000.000 đồng và có thỏa thuận sau ngày ký “*Giấy mượn tiền*” 15 ngày, sẽ trả tiền nhưng không trả. Sau đó bà H có được 05 lần với tổng số tiền là 84.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Lần 01 trả 19.000.000 đồng (không nhớ ngày),

lần 02 trả 18.000.000 đồng (không nhớ ngày). Lần 3 trả 10.000.000 đồng ngày 31/11/2024, lần 4 trả 15.000.000 đồng ngày 22/5/2025. Lần 5 trả 22.000.000 đồng ngày 22/6/2025. Đến nay, bà H, ông H còn nợ tôi 276.000.000 đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu tính lãi.

** Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị Kim H trình bày:*

Tôi thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian vay, số tiền vay như chị T trình bày. Tôi vay tiền là để cùng ông H làm vốn nuôi tôm. Ngày 13/02/2023, tôi và ông H (chồng tôi) cùng chị T cộng lại nợ, chúng tôi còn nợ tiền chị T 360.000.000 đồng. Tôi và ông H có ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” ngày 13/02/2023. Sau khi viết “*Giấy mượn tiền*”, chúng tôi có trả được tổng cộng 84.000.000 đồng. Đến nay tôi và ông H còn nợ chị T 276.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị T 276.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả mỗi tháng 6.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 26/8/2025, bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông H không trực tiếp vay tiền của chị T nhưng có biết việc bà H vay tiền của chị T. Bà H vay tiền là để làm vốn nuôi tôm. Ngày 13/02/2023, ông H có cùng bà H ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” có nợ chị T 360.000.000 đồng. Sau đó bà H có trả được 84.000.000 đồng nên còn nợ chị T 276.000.000 đồng. Đồng ý cùng bà H trả trả tiền cho chị T nhưng xin trả dần mỗi tháng 6.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Chị Nguyễn Phạm Ngọc T khởi kiện, yêu cầu bà Trương Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh H trả tiền vay còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông H. Bị đơn không yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung khởi kiện

Chị T yêu cầu bà H và ông H có nghĩa vụ trả tiền vay còn nợ là 276.000.000 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa, bà H thống nhất đến nay còn nợ chị T 276.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị T 276.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 26/8/2025, ông H xác định có ký tên vào “*Giấy mượn tiền*” ngày 13/02/2023. Do đó, có cơ sở xác định ông H và bà H còn nợ chị T 276.000.000 đồng nên ông H và bà H có nghĩa vụ trả cho chị T 276.000.000 đồng.

[3] Về thời gian trả

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu bà H và ông H trả số tiền 276.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H xin trả mỗi tháng 6.000.000 đồng. Xét thấy, tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 13/02/2023, bà H và ông H hẹn trả tiền sau ngày viết biên nhận 15 ngày, nhưng không thực hiện. Tại phiên Tòa, bà H lại xin trả mỗi tháng 6.000.000 đồng sẽ làm thiệt thòi cho quyền lợi của chị T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T. Buộc bà H và ông H có nghĩa vụ trả cho chị T 276.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí

- Bà H và ông H có nghĩa vụ trả tiền cho chị T nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà H và ông H có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên bà H và ông H được giảm 50% án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:***Điều luật áp dụng:***

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
 - Điều 5; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
 - Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phạm Ngọc T.
 - Buộc bà Trương Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh H cùng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Phạm Ngọc T số tiền vay còn nợ là 276.000.000 (*hai trăm bảy mươi sáu triệu*) đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Trương Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh H không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Trương Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ nộp 6.900.000 (*sáu triệu chín trăm nghìn*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả cho chị Nguyễn Phạm Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.450.000 đồng (*bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0010865, ngày 03/6/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2;
- THA DS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Hoàng Nhi